CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304814339
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.05 09:56:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.2.0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
----------	**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
Số: 43/2026/TPS-CBTT	**Independence - Freedom - Happiness**
No.: 43/2026/TPS-CBTT	**----------**
	Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2026
	Hanoi, November 4, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/** ***The State Securities Commission;***
- **Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/** ***Vietnam Stock Exchange;***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/** ***Ho Chi Minh City Stock Exchange;***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/** ***Hanoi Stock Exchange.***

1. **Tên tổ chức /** ***Name of organization*****: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG (TPS) /** ***Tien Phong Securities Corporation (TPS)***

Mã chứng khoán/Mã thành viên / *Stock code/Broker code*: ORS

Địa chỉ / *Address*: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội./ *12th Floor, Doji Building, No. 5 Le Duan Street, Ba Dinh Ward, Hanoi.*

Điện thoại / Telephone: 028.39118014 Fax: 028.39118015

E-mail: tpbs@tpbs.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố /** ***Contents of disclosure*****:**

Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản */ Minutes of vote counting and Resolution of the General Meeting of Shareholders in the form of collecting shareholders' written opinions.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/11/2026 tại đường dẫn / *This information was published on the company's website on November 4, 2026, as in the link*: https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/tps-bien-ban-kiem-phieu-va-nghi-quyet-dai-hoi-dong-co-dong-theo-hinh-thuc-lay-y-kien-co-dong-bang-van-ban?postId=2963

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố / *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

- Biên bản kiểm phiếu số 02/2026/BBKPBQ-ĐHĐCĐ ngày 04/11/2026/ *Minutes of vote counting No. 02/2026/BBKPBQ-DHDCD dated November 4, 2026*
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/11/2026/ *Resolution No. 02/2026/NQ-DHDCD of the General Meeting of Shareholders dated November 4, 2026.*
- Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Tờ trình của HĐQT số 07/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026/ *Amendments and supplements to the Company's Charter under the BOD's Proposal No. 07/2026/TTr-TPS.HĐQT dated 23 October 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG /
TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION

Người được ủy quyền công bố thông tin /

Person authorized to disclose information

S.G.P: 49 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
P. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION	***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Independence - Freedom - Happiness
Số: 02/2026/BBKPBQ-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2026*
No.: 02/2026/BBKPBQ-DHDCD	*Hanoi, 04 November 2026*

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU /

MINUTES OF VOTE COUNTING

(theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) /

(by way of collecting shareholders' written opinions)

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP / *COMPANY INFORMATION*

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG** ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")

Company name: ***TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION*** *(the "**Company**" or "**TPS**")*

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 49/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 29/12/2006

Securities Business License No.: 49/UBCK-GPHĐKD first issued by the State Securities Commission (SSC) on 29 December 2006

Mã số doanh nghiệp: 0304814339

Enterprise code: 0304814339

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Hà Nội

Head office address: 12th Floor, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Ba Dinh Ward, Hanoi

II. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN / *PURPOSE OF COLLECTING SHAREHOLDERS' WRITTEN OPINIONS*

Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**ĐHĐCĐ**").

*To collect shareholders' written opinions to approve matters within the authority of the General Meeting of Shareholders ("**GMS**").*

Tài liệu có liên quan bao gồm Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ, Tờ trình của HĐQT số 07/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026 và Tờ trình của HĐQT số 08/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026.

Related documents include the Draft GMS Resolution, the BOD's Proposal No. 07/2026/TTr-TPS.HDQT dated 23 October 2026 and the BOD's Proposal No. 08/2026/TTr-TPS.HDQT dated 23 October 2026.

III. BAN KIỂM PHIẾU / *VOTE COUNTING COMMITTEE*

1. Trưởng Ban kiểm phiếu: Ông Nguyễn Hồng Quân - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Head of the Vote Counting Committee: Mr. Nguyen Hong Quan - Chairman of the Board of Directors.

2. Người giám sát kiểm phiếu: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy - Thành viên Ban Kiểm Soát.

Vote Counting Supervisor: Ms. Nguyen Thi Phuong Thuy - Member of the Board of Supervisors.

3. Người kiểm phiếu: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Chánh Văn phòng Hội Đồng Quản Trị.

Vote Counter: Ms. Nguyen Thi Ngoc Thao - Chief of the BOD Office.

IV. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU / *VOTE COUNTING RESULTS*

1. **Phương thức gửi phiếu biểu quyết:** Gửi trực tiếp/gửi qua bưu điện đến địa chỉ trụ sở chính của Công Ty hoặc gửi thư điện tử đến địa chỉ email của Công Ty trước **16:00 ngày 04/11/2026**.

Method of submitting ballots: *By hand delivery/post to the Company's head office or by email to the Company's email address before **16:00 on 04 November 2026**.*

2. **Tổng hợp Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

Summary of shareholders' written opinion ballots:

- Tổng số cổ đông của Công Ty tại ngày đăng ký cuối cùng **21/08/2026** để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: **13.599** cổ đông, sở hữu **623.930.904** cổ phần, tương đương **623.930.904** phiếu biểu quyết, chiếm **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông của Công Ty.

*Total number of shareholders of the Company as of the record date of **21 August 2026** for exercising the right to give written opinions: **13,599** shareholders, holding **623,930,904** shares, equivalent to **623,930,904** votes, representing **100%** of the total votes of all shareholders of the Company.*

- Tổng số Phiếu lấy ý kiến thu về được tính là Phiếu tham gia biểu quyết: **429.165.084** phiếu biểu quyết, chiếm **68,78%** tổng số phiếu biểu quyết. Trong đó:

*Total number of returned ballots counted as ballots participating in the vote: **429,165,084** votes, representing **68.78%** of the total votes, of which:*

  - **Số Phiếu thu về hợp lệ: 429.165.084** phiếu biểu quyết, chiếm **68,78%** tổng số phiếu biểu quyết.

    ***Number of valid ballots returned: 429,165,084** votes, representing **68.78%** of the total votes.*

  - **Số Phiếu thu về không hợp lệ: 0** phiếu biểu quyết, chiếm **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết.

    ***Number of invalid ballots returned: 0** votes, representing **0.00%** of the total votes.*

- Tổng số Phiếu lấy ý kiến không gửi về Công Ty được tính là Phiếu không tham gia biểu quyết: **194.765.820** phiếu biểu quyết, chiếm **31,22%** tổng số phiếu biểu quyết.

*Total number of ballots not returned to the Company, counted as ballots not participating in the vote: **194,765,820** votes, representing **31.22%** of the total votes.*

3. **Kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề cụ thể:**

Vote counting results for each matter:

STT *No.*	Vấn đề lấy ý kiến *Matters for voting*	Kết quả kiểm phiếu *Voting results*
1	**Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty theo Tờ trình của HĐQT số 07/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026.** *Approval of the amendments and supplements to the Company's Charter under the BOD's Proposal No. 07/2026/TTr-TPS.HDQT dated 23 October 2026.*	- **Tán thành:** 429.165.084 phiếu biểu quyết, chiếm 68,78% tổng số phiếu biểu quyết; ***Agree:*** *429,165,084 votes, representing 68.78% of the total votes;* - **Không tán thành:** 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% tổng số phiếu biểu quyết; ***Disagree:*** *0 votes, representing 0.00% of the total votes;* - **Không có ý kiến:** 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% tổng số phiếu biểu quyết. ***No opinion:*** *0 votes, representing 0.00% of the total votes.*
2	**Thông qua việc triển khai thực hiện hoạt động "Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán" theo Tờ trình của HĐQT số 08/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026.** *Approval of the implementation of the "Provision of securities transaction clearing and settlement services" under the BOD's Proposal No. 08/2026/TTr-TPS.HDQT dated 23 October 2026.*	- **Tán thành:** 429.165.084 phiếu biểu quyết, chiếm 68,78% tổng số phiếu biểu quyết; ***Agree:*** *429,165,084 votes, representing 68.78% of the total votes;* - **Không tán thành:** 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% tổng số phiếu biểu quyết; ***Disagree:*** *0 votes, representing 0.00% of the total votes;* - **Không có ý kiến:** 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% tổng số phiếu biểu quyết. ***No opinion:*** *0 votes, representing 0.00% of the total votes.*
3	**Giao/ủy quyền cho HĐQT tổ chức triển khai, ban hành Điều Lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nội dung 1 và tổ chức triển khai các công việc cần thiết để hoàn thiện các điều kiện và thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động "Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán" đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nội dung 2 nêu trên.** *To assign/authorize the BOD to organize the implementation and promulgation of the Charter approved by the GMS under Item 1, and to organize the implementation*	- **Tán thành:** 429.165.084 phiếu biểu quyết, chiếm 68,78% tổng số phiếu biểu quyết; ***Agree:*** *429,165,084 votes, representing 68.78% of the total votes;* - **Không tán thành:** 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% tổng số phiếu biểu quyết; ***Disagree:*** *0 votes, representing 0.00% of the total votes;* - **Không có ý kiến:** 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% tổng số phiếu biểu quyết. ***No opinion:*** *0 votes, representing 0.00% of the total votes.*

	of the work necessary to satisfy the conditions and carry out the procedures for applying for a license for the "Provision of securities transaction clearing and settlement services" approved by the GMS under Item 2 above.	

4. KẾT LUẬN / *CONCLUSION*

STT *No.*	Vấn đề lấy ý kiến *Matters for voting*	Kết luận *Conclusion*
1	**Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty theo Tờ trình của HĐQT số 07/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026.** *Approval of the amendments and supplements to the Company's Charter under the BOD's Proposal No. 07/2026/TTr-TPS.HDQT dated 23 October 2026.*	- Thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt **68,78%.** *Approved with an approval rate of **68.78%**.*
2	**Thông qua việc triển khai thực hiện hoạt động "Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán" theo Tờ trình của HĐQT số 08/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23/10/2026.** *Approval of the implementation of the "Provision of securities transaction clearing and settlement services" under the BOD's Proposal No. 08/2026/TTr-TPS.HDQT dated 23 October 2026.*	- Thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt **68,78%.** *Approved with an approval rate of **68.78%**.*
3	**Giao/ủy quyền cho HĐQT tổ chức triển khai, ban hành Điều Lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nội dung 1 và tổ chức triển khai các công việc cần thiết để hoàn thiện các điều kiện và thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động "Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán" đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nội dung 2 nêu trên.** *To assign/authorize the BOD to organize the implementation and promulgation of the Charter approved by the GMS under Item 1, and to organize the implementation of the work necessary to satisfy the conditions and carry out the procedures for applying for a license for the "Provision of securities transaction clearing and settlement services" approved by the GMS under Item 2 above.*	- Thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt **68,78%.** *Approved with an approval rate of **68.78%**.*

Ban kiểm phiếu đã xem xét, thống nhất thông qua toàn văn nội dung Biên bản này và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại Hội Đồng Cổ Đông về tính chính xác, trung thực của các nội dung trong Biên bản.

The Vote Counting Committee has reviewed and unanimously approved the full text of these Minutes and shall be responsible before the law and the General Meeting of Shareholders for the accuracy and truthfulness of the contents of these Minutes.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản gốc và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

These Minutes are made in 02 (two) original and kept at the Company's head office in accordance with the law and the Charter.

Trưởng Ban kiểm phiếu
Head of the Vote Counting Committee

S.G.P: 49 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
P. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN HỒNG QUÂN
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman of the Board of Directors

Người giám sát kiểm phiếu
Vote Counting Supervisor

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member of the Board of Supervisors

Người kiểm phiếu
Vote Counter

NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO
Chánh Văn phòng Hội Đồng Quản Trị
Chief of the BOD Office

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence - Freedom - Happiness
Số: 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2026*
No.: 02/2026/NQ-DHDCD	*Hanoi, 04 November 2026*

NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**")
*TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION (the "**Company**" or "**TPS**")*

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;*

  Pursuant to the Law on Enterprises, the Law on Securities and other relevant provisions of law;
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ**");*

  *Pursuant to the Charter of Organization and Operation of Tien Phong Securities Corporation (the "**Charter**");*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2026/BBKPBQ-ĐHĐCĐ lập ngày 04 tháng 11 năm 2026;*

  Pursuant to the Minutes of Vote Counting of Shareholders' Written Opinions No. 02/2026/BBKPBQ-DHDCD dated 04 November 2026;

QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau đây:

Article 1. *To approve the following contents:*

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty theo Tờ trình của HĐQT số 07/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2026.

   Approval of the amendments and supplements to the Company's Charter under the BOD's Proposal No. 07/2026/TTr-TPS.HĐQT dated 23 October 2026.

2. Thông qua việc triển khai thực hiện hoạt động "Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán" theo Tờ trình của HĐQT số 08/2026/TTr-TPS.HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2026.

   Approval of the implementation of the provision of securities transaction clearing and settlement services under the BOD's Proposal No. 08/2026/TTr-TPS.HĐQT dated 23 October 2026.

Điều 2. Giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị tổ chức triển khai, ban hành Điều Lệ đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại Khoản 1 Điều 1 và tổ chức triển khai các công việc cần thiết để hoàn thiện các điều kiện và thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động "Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán" tại Khoản 2 Điều 1 nêu trên.

Article 2. *To assign/authorize the Board of Directors to organize the implementation and promulgation of the Charter approved by the General Meeting of Shareholders under Clause 1, Article 1, and to organize the implementation of the work necessary to satisfy the conditions and carry out the procedures for applying for a license for the "Provision of securities transaction clearing and settlement services" under Clause 2, Article 1 above.*

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2026. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3. *This Resolution takes effect from 04 November 2026. The Board of Directors, the Board of Supervisors, the Executive Board and relevant units and individuals shall be responsible for implementing this Resolution.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE GMS
CHAIRMAN OF THE BOD

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
P. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CBTT theo quy định;
- Lưu: VP. HĐQT.

Recipients:
- *As stated in Article 3 (for implementation);*
- *Information disclosure as prescribed;*
- *Archived: BOD Office.*

TPS
TIEN PHONG SECURITIES

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Ngày 04 tháng 11 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA 1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động 2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 2
Điều 4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty 3
Điều 5. Dấu của Công Ty 3
CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG 3
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 3
Điều 7. Mục tiêu hoạt động 4
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty 4
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 4
Điều 9. Vốn Điều Lệ và tỷ lệ sở hữu nước ngoài 4
Điều 10. Các loại cổ phần 4
Điều 11. Cổ đông 5
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông 5
Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết 6
Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức 7
Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại 7
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông 7
Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức 7
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông 8
Điều 19. Cổ phiếu, các sản phẩm tài chính và chứng khoán khác 8
Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ 9
Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 10
Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần 10
Điều 23. Chào bán trái phiếu 10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 10
Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành 10
Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý 11
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 11
Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 11
Điều 28. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 12
Điều 29. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 13
Điều 30. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 13
Điều 31. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 14
Điều 32. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 14
Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 15
Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông 15
Điều 35. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 16
Điều 36. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua 16
Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 17
Điều 38. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 18
Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 18
Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 19
MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 19
Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị 20
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị 21
Điều 44. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị 22
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 23

Điều 46. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị 23
Điều 47. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị 24
Điều 48. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 25
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị 26
Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 26
Điều 51. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị 27
Điều 52. Người phụ trách quản trị Công Ty 27
Điều 53. Kiểm toán nội bộ 27
Điều 54. Quản trị rủi ro 28
MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT 29
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát 29
Điều 56. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát 30
Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát 31
Điều 58. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát 31
Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát 32
Điều 60. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát 32
Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát 32
Điều 62. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát 33
MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 63. Tổ chức bộ máy điều hành 33
Điều 64. Người điều hành khác 33
Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc 34
Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc 34
Điều 67. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc 35
CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 36
Điều 68. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Công Ty 36
Điều 69. Công khai các lợi ích liên quan 37
Điều 70. Giao dịch với người có liên quan 38
Điều 71. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này 38
Điều 72. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan 38
Điều 73. Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty 39
Điều 74. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 39
Điều 75. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc 39
Điều 76. Công khai thông tin 40
CHƯƠNG VII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 40
Điều 77. Công nhân viên và công đoàn 40
CHƯƠNG VIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ 40
Điều 78. Trả cổ tức 40
Điều 79. Xử lý lỗ trong kinh doanh 41
Điều 80. Trích lập các quỹ 41
CHƯƠNG IX. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 41
Điều 81. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 82. Năm tài chính 41
Điều 83. Chế độ kế toán 41
CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 41
Điều 84. Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị 41
Điều 85. Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát 42
Điều 86. Chế độ báo cáo 42
Điều 87. Công bố thông tin 43
Điều 88. Tổ chức công bố thông tin 43
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 43
Điều 89. Kiểm toán 43

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY 44
Điều 90. Tổ chức lại Công Ty 44
Điều 91. Tạm ngừng hoạt động 44
Điều 92. Giải thể Công Ty 44
Điều 93. Thanh lý tài sản 44
Điều 94. Phá sản Công Ty 45
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45
Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 45
Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 45
Điều 97. Ngày hiệu lực 45
PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ 47

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp (LDN 2020);
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán (LCK 2019);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác, nếu có (NĐ 155/2020/NĐ-CP);
4. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC (TT 91/2020/TT-BTC);
5. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (TT 116/2020/TT-BTC);
6. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 121/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác, nếu có (TT 121/2020/TT-BTC);
7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác, nếu có (TT 96/2020/TT-BTC);
8. Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC (TT 48/2019/TT-BTC);
9. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán (TT 135/2025/TT-BTC).

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. "**Công Ty**" là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.

   b. "**Giấy phép thành lập và hoạt động**" là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   c. "**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**" là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

   d. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ.

   e. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty[1].

   f. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty[2].

   g. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác[3].

   h. "**Người quản lý Công Ty**" hoặc "**Người quản lý**" là Người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc[4].

   i. "**Người nội bộ của Công Ty**" hoặc "**Người nội bộ**" bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng; Trưởng Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát; thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin và các chức danh tương đương do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu hoặc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.

   j. "**Ban Điều Hành**" là Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối và tương đương, Kế Toán Trưởng và các nhân sự khác do Tổng Giám Đốc quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty.

   k. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

   l. "**Người có quan hệ gia đình**" là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.

   m. "**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**" là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần trên Vốn Điều Lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.

   n. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

---

[1] Khoản 3 Điều 4 LDN 2020
[2] Khoản 18 Điều 4 LCK 2019
[3] Khoản 5 Điều 4 LDN 2020
[4] Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

o. **"Luật Chứng Khoán"** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Điều Lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động

1. Tên Công Ty:

   - Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
   - Tên bằng tiếng Anh: TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION
   - Tên giao dịch: TP SECURITIES
   - Tên viết tắt: TPS

2. Công Ty là một công ty cổ phần, có đầy đủ tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

3. Trụ sở chính của Công Ty:

   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
   - Điện thoại: (028) 39118014 Fax: (028) 39118015
   - Email: tpbs@tpbs.com.vn Website: www.tpbs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động của Công Ty:

   a. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi quy định của pháp luật cho phép;

   b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công Ty và Công Ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

   c. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công Ty kèm theo cụm từ "chi nhánh", "phòng giao dịch" hoặc "văn phòng đại diện" và tên riêng để phân biệt;

   d. Công Ty chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận.

5. Thời hạn hoạt động của Công Ty sẽ bắt đầu từ ngày Công Ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu và kéo dài vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Khoản 4 Điều 92 của Điều Lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật[5]

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công Ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

---

[5] Điều 12 LDN 2020 và Điều 182 NĐ 155/2020/NĐ-CP

3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác là Người quản lý, Người nội bộ của Công Ty đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 nêu trên vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công Ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc trường hợp Người đại diện theo pháp luật chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị cử/bổ nhiệm người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

Điều 4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty[6]

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:

   a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;

   b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Dấu của Công Ty

1. Hội Đồng Quản Trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty (nếu có).

2. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động[7]

1. Công Ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động theo các nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép bao gồm:

   a. Môi giới chứng khoán;

   b. Tự doanh chứng khoán;

   c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

   d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty được cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính và/hoặc thực hiện hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

---

[6] Điều 13 LDN 2020

[7] Điều 72, 86 LCK 2019

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công Ty là:

1. Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính có chất lượng.
2. Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường Việt Nam.
3. Tạo điều kiện, môi trường làm việc chuyên nghiệp cho các tài năng phát triển, nâng cao phúc lợi cho người lao động.
4. Tối đa hóa giá trị cổ phần, lợi ích cho cổ đông.
5. Góp phần phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty

Công Ty có tất cả các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn Điều Lệ và tỷ lệ sở hữu nước ngoài

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).
2. Vốn Điều Lệ của Công Ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán[8], phải được bảo đảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật. Công Ty thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận mức Vốn Điều Lệ của Công Ty tại từng thời điểm trên Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
3. Công Ty có thể thay đổi tăng, giảm Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ[9] (tham khảo thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty được cập nhật tại Phụ Lục 01 - Vốn Điều Lệ đính kèm Điều Lệ).
4. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty là 49% (bốn mươi chín phần trăm)[10].

Điều 10. Các loại cổ phần[11]

1. Các cổ phần của Công Ty chỉ có loại cổ phần phổ thông tại ngày thông qua Điều Lệ này. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Tại từng thời điểm, ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi bao gồm các loại sau đây:
   a. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
   b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
   c. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
   d. Cổ phần ưu đãi khác: theo quy định tại phương án phát hành cổ phần ưu đãi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Đặc điểm của các loại cổ phần ưu đãi:
   a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền biểu quyết và thời hạn ưu đãi biểu quyết đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết do tổ chức được Chính phủ ủy quyền nắm giữ do Đại Hội Đồng Cổ Đông

---

[8] Khoản 1 Điều 112 LDN 2020
[9] Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[10] Khoản 1 Điều 77 LCK 2019
[11] Điều 114 LDN 2020

quyết định. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông[12];

b. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức[13];

c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ (nếu có)[14].

4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (nếu có) được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua tùy từng trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 11. Cổ đông[15]

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu trong Công Ty.

2. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các cổ đông khác.

3. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên phải thông báo đầy đủ cho Công Ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được thông tin đối với các trường hợp sau:

   a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của Tòa án;

   b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

4. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

5. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên và người có liên quan của cổ đông đó không sở hữu trên 5% Vốn Điều Lệ của một công ty chứng khoán khác[16].

6. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77 của Luật Chứng Khoán[17].

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông[18]

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức biểu quyết khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có). Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết;

---

[12] Khoản 1 Điều 116 LDN 2020
[13] Khoản 1 Điều 117 LDN 2020
[14] Khoản 1 Điều 118 LDN 2020
[15] Điều 6 TT 121/2020/TT-BTC
[16] Điểm c Khoản 2 Điều 74 LCK 2019
[17] Điểm d Khoản 2 Điều 74 LCK 2019
[18] Điều 115 LDN 2020

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty phù hợp với phương án chào bán cổ phần và/hoặc phương án tăng Vốn Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ và/hoặc theo các điều kiện được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng (nếu có);

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

g. Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;

h. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

c. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp;

d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

a. Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Công Ty và cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết[19]

1. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

---

[19] Điều 116 LDN 2020

Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức[20]

1. Nhận cổ tức theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.
2. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.
3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại[21]

1. Được Công Ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.
2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 114 và Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông[22]

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức[23]

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản và nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức là cổ đông Công Ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.

---

[20] Điều 117 LDN 2020
[21] Điều 118 LDN 2020
[22] Điều 119 LDN 2020
[23] Điều 14 LDN 2020

6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức[24]:

   a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại Hội Đồng Cổ Đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

   b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;

   c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông[25]

1. Công Ty phải lập và quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công Ty hoặc cả hai hình thức này.

2. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông phải bảo đảm có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công Ty trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cổ phiếu, các sản phẩm tài chính và chứng khoán khác

1. Cổ phiếu[26]:

   a. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh Nghiệp.

   b. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

   c. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

      (i) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

      (ii) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

2. Chứng quyền có bảo đảm:

---

[24] Điều 15 LDN 2020
[25] Điều 122 LDN 2020
[26] Điều 121 LDN 2020

a. Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công Ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công Ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện[27].

b. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công Ty và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc nhận chuyển giao chứng khoán cơ sở; quyền chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp...).

c. Công Ty được thực hiện chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng theo hạn mức, điều kiện và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

3. Các sản phẩm tài chính[28]: Công Ty có thể thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan theo quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tại từng thời điểm.

4. Chứng khoán khác: Chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc người được Người đại diện theo pháp luật của Công Ty ủy quyền hợp lệ và dấu của Công Ty hoặc được phát hành dưới hình thức điện tử phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm[29].

Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ

1. Tăng Vốn Điều Lệ[30]: Sau khi chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

   a. Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

   b. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

   c. Chào bán, phát hành cổ phiếu theo các hình thức khác dẫn đến tăng Vốn Điều Lệ: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

   d. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Giảm Vốn Điều Lệ[31]:

   a. Theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

      (i) Mua lại cổ phiếu để giảm Vốn Điều Lệ phù hợp với quy định Điều 36 của Luật Chứng Khoán;

      (ii) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 21 của Điều Lệ;

      (iii) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

   b. Công Ty thực hiện giảm Vốn Điều Lệ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và đáp ứng các điều kiện sau:

      (i) Vốn chủ sở hữu sau khi giảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

      (ii) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi giảm vốn đạt tối thiểu là 180%;

      (iii) Các đợt giảm vốn phải cách nhau tối thiểu 12 (mười hai) tháng;

---

[27] Khoản 6 Điều 4 LCK 2019

[28] Khoản 2 Điều 86 LCK 2019, Điều 202 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[29] Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[30] Điều 187 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[31] Khoản 5 Điều 112 LDN 2020, Điều 36 LCK 2019 và Điều 188 NĐ 155/2020/NĐ-CP

(iv) Đáp ứng điều kiện mua lại cổ phiếu của chính mình quy định tại Điều 36 Luật Chứng Khoán;

(v) Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục tăng, giảm Vốn Điều Lệ trong từng trường hợp được thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Sau khi hoàn tất việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ, Công Ty thực hiện thủ tục điều chỉnh (i) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông[32]

Khi đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ, điều kiện, hình thức, thủ tục mua lại cổ phần... theo quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có thể được Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

2. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong trường hợp nêu trên với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần[33]

1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ và/hoặc được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công Ty được thực hiện bằng hình thức giao dịch trên thị trường chứng khoán với trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Chào bán trái phiếu[34]

1. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo hình thức phát hành riêng lẻ hoặc phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.

2. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.

3. Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành[35]

1. Công Ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

2. Công Ty có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.

---

[32] Điều 132 LDN 2020
[33] Điều 127 LDN 2020
[34] Khoản 2 Điều 13 NĐ 153/2020/NĐ-CP
[35] Điều 3 TT 121/2020/TT-BTC

3. Công Ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc phù hợp với Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý [36]

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị.
3. Ban Kiểm Soát.
4. Tổng Giám Đốc.

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông[37]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
   d. Thông qua đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
   f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
   g. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
   h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
   i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
   j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát;
   k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
   l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[38]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên được tổ chức 01 lần/năm (mỗi năm một lần). Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức đồng thời tại nhiều địa điểm. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được trong thời hạn nêu trên, Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định gia hạn tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Công Ty phải báo cáo

---

[36] Điều 137 LDN 2020 và Điều 11 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[37] Điều 138 LDN 2020
[38] Điều 139 LDN 2020

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong thời hạn 02 (hai) tháng tiếp theo [39].

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
   a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
   b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
   c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
   d. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;
   e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên;
   f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
   g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông (nếu có).

Điều 28. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[40]

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
   a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công Ty;
   b. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
   d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.
3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.
4. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
   c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
   d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

---

[39] Khoản 2 Điều 7 TT 121/2020/TT-BTC
[40] Điều 140 LDN 2020

e. Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát[41].

7. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty[42].

8. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, đầy đủ. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 29. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[43]

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông của Công Ty. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng[44]. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Điều Lệ.

Điều 30. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[45]

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ

---

[41] Khoản 4 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[42] Khoản 4 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[43] Điều 141 LDN 2020
[44] Khoản 1 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC
[45] Điều 142 LDN 2020

Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

4. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 31. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[46]

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty; trường hợp Công Ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết.

4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 32. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[47]

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và phải lập thành văn bản, trong đó phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

3. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;

d. Tham gia biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

---

[46] Điều 143 LDN 2020
[47] Điều 144 LDN 2020

Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[48]

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 30 của Điều Lệ.

Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông[49]

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành như sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau đây:
    a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
    b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
    c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
    d. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:
    a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

---

[48] Điều 145 LDN 2020
[49] Điều 146 LDN 2020

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Bên cạnh việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo hình thức truyền thống phù hợp với quy định của Điều Lệ này, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến tùy theo quyết định của người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

    Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh, dữ liệu thông qua mạng Internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của cuộc họp, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

    Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 35. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[50]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề được quy định tại Điểm a, b, c, d, e, f Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ này phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ.

Điều 36. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua[51]

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:

   a. Thay đổi Vốn Điều Lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty quy định tại Điều 25 của Điều Lệ;

   d. Thông qua vấn đề quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 26 của Điều Lệ;

   e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

---

[50] Điều 147 LDN 2020
[51] Điều 148 LDN 2020

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

   a. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

   b. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu tại từng thời điểm;

   c. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này.

5. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

6. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông[52]

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Điều Lệ.

2. Công Ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến[53]. Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 29 của Điều Lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Điều Lệ.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử theo quy định sau đây:

   a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

---

[52] Điều 149 LDN 2020

[53] Điểm a Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Trường hợp gửi ý kiến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm;

d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 5 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

   Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[54]

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp.

   Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[55]

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được

---

[54] Điều 150 LDN 2020
[55] Điều 151 LDN 2020

đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 40 của Điều Lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông[56]

1. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị[57]

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty theo thẩm quyền, phù hợp với phương án phát hành và quy định của pháp luật;
   e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong phạm vi thẩm quyền và trong giới hạn theo quy định của pháp luật;
   f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
   g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
   h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị (nếu có); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý, điều hành khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của Công Ty (nếu có); quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
   i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;

---

[56] Điều 152 LDN 2020
[57] Điều 153 LDN 2020

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

k. Quyết định thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị để hỗ trợ, tham mưu Hội Đồng Quản Trị trong việc quản lý Công Ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị;

l. Chuẩn bị nội dung, tài liệu trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, trừ các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát; duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

3. Hội Đồng Quản Trị đồng thời có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây[58]:

a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công Ty;

b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty;

c. Bảo đảm hoạt động của Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty;

d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty;

e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo quy định của pháp luật;

g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty;

h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công Ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người phụ trách quản trị Công Ty và Người quản lý khác của Công Ty;

i. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật;

j. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật sau khi đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua.

4. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định (nếu có). Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị[59]

---

[58] Điều 278 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[59] Điều 154 LDN 2020

1. Hội Đồng Quản Trị phải có không ít hơn 03 (ba) thành viên và không quá 07 (bảy) thành viên. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong mỗi nhiệm kỳ. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị cần bảo đảm[60]:

   a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành của Công Ty phải đảm bảo quy định sau:

      (i) Có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;

      (ii) Có tối thiểu 02 (hai) thành viên không điều hành trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.

   b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải đảm bảo quy định sau:

      (i) Có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;

      (ii) Có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị và thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị[61]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty;

   c. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác[62];

   d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác không phải là công ty chứng khoán[63].

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty[64].

3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

   b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;

---

[60] Điều 276 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[61] Điều 155 LDN 2020
[62] Khoản 1 Điều 8 TT 121/2020/TT-BTC
[63] Khoản 3 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[64] Khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là Người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có liên quan.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ tương tự như thành viên Hội Đồng Quản Trị khác.

Điều 44. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị[65]

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ chuyên môn;

   c. Quá trình công tác;

   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác);

   e. Các lợi ích liên quan đến Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có).

   Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần phải biểu quyết bầu, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc Hội Đồng Quản Trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng

[65] Điều 274 NĐ 155/2020/NĐ-CP

trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị[66]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau[67]:
   a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám Đốc, Người quản lý khác trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty;
   b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, ngoài ra phải bảo đảm các trách nhiệm sau đây:
   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
   b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
   c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
   d. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
   e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
3. Từng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị[68].

Điều 46. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị[69]

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị bầu 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty[70].
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
   e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

---

[66] Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[67] Điều 159 LDN 2020
[68] Khoản 3 Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[69] Điều 156 LDN 2020
[70] Khoản 2 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP

f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị; giám sát các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung;

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

4. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;

d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo phân công của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 47. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị[71]

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Địa điểm cuộc họp Hội Đồng Quản Trị là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu

---

[71] Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

   Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ và/hoặc Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và phải được giữ bí mật đến thời điểm biểu quyết.

11. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 48. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị[72]

1. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ

[72] Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan[73].

3. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nội dung một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua[74]. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[75]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 43 của Điều Lệ;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
   b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 42 của Điều Lệ;
   c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị[76]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản

---

[73] Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN
[74] Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[75] Điều 160 LDN 2020
[76] Điều 163 LDN 2020

Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được yêu cầu thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 51. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị[77]

1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và/hoặc hỗ trợ, tham mưu Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị Công Ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị quyết định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, ngân sách hoạt động và nhân sự của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị và quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 52. Người phụ trách quản trị Công Ty[78]

1. Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 46 của Điều Lệ. Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;

   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;

   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

   d. Tham dự các cuộc họp;

   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;

   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát;

   g. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 53. Kiểm toán nội bộ[79]

1. Hội Đồng Quản Trị ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của Công Ty theo quy định của pháp luật.

---

[77] Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[78] Điều 281 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[79] Khoản 2, 3 và 4 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC; Nghị định 05/2019/NĐ-CP

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

   a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính đến năm được bổ nhiệm;

   b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

   c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;

   d. Có chứng chỉ Chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

   e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

Điều 54. Quản trị rủi ro[80]

1. Hội Đồng Quản Trị phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau đây:

   a. Hệ thống tổ chức quản trị rủi ro tối thiểu phải quy định các nội dung:

      (i) Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị rủi ro;

      (ii) Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;

      (iii) Trách nhiệm của Bộ phận Quản trị rủi ro và các trưởng Bộ phận nghiệp vụ trong việc quản trị rủi ro;

      (iv) Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội Đồng Quản Trị thông qua;

      (v) Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;

      (vi) Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám Đốc;

      (vii) Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

   b. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm Công Ty có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

   c. Hệ thống quản trị rủi ro phải được xây dựng để bảo đảm công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất.

   d. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm các Bộ phận nghiệp vụ và Bộ phận Quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau và người phụ trách Bộ phận nghiệp vụ không đồng thời phụ trách Bộ phận Quản trị rủi ro và ngược lại.

2. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro trong Công Ty phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

   a. Hệ thống quản trị rủi ro trong Công Ty phải được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản.

   b. Các quy trình, quy chế nội bộ phải được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình, quy chế quản trị rủi ro liên quan. Công Ty phải thường xuyên rà soát và cập nhật lại các quy trình, quy chế nội bộ này.

---

[80] Điều 11 TT 121/2020/TT-BTC

c. Các quy trình, quy chế nội bộ phải bảo đảm cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm Soát hiểu được hoạt động quản trị rủi ro của Công Ty.

d. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Cơ cấu tổ chức và mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và trách nhiệm;

(ii) Chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo trao đổi thông tin về rủi ro và xử lý rủi ro;

(iii) Các quy tắc phải bảo đảm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Công Ty phải xây dựng hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung: xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, giám sát rủi ro và xử lý rủi ro.

4. Xây dựng kế hoạch dự phòng:

a. Công Ty phải xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Công Ty.

b. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng. Kế hoạch dự phòng phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

5. Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ, tài liệu:

a. Tất cả hồ sơ, tài liệu, báo cáo, biên bản họp, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo về rủi ro, các quyết định của Tổng Giám Đốc và các tài liệu khác liên quan đến quản trị rủi ro phải được lưu trữ đầy đủ và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước khi có yêu cầu.

b. Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây[81]:

a. Thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công Ty, giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công Ty và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động, quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và bán niên của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công Ty;

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban

---

[81] Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Kiểm Soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

g. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông Công Ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác của Công Ty vi phạm pháp luật, Điều Lệ thì Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc vi phạm pháp luật, Điều Lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm Soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định và/hoặc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật nêu trên, Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm [82];

i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;

j. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

k. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

l. Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Xây dựng Quy chế hoạt động, Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

n. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây[83]:

a. Triệu tập các cuộc họp Ban Kiểm Soát;

b. Yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 56. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát[84]

1. Ban Kiểm Soát phải có không ít hơn 03 (ba) thành viên và không quá 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Ban Kiểm Soát trong mỗi nhiệm kỳ.

---

[82] Điểm d Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

[83] Khoản 2 Điều 38 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

[84] Điều 168 LDN 2020

2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định tại Khoản 2 Điều 55 của Điều Lệ này. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Trường hợp có Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm Soát.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát[85]

1. Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;

   c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác của Công Ty và công ty mẹ; không được là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty mẹ và tại Công Ty;

   d. Không phải là Người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;

   e. Không thuộc các trường hợp sau[86]:

      (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;

      (ii) Là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

   f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Trưởng Ban Kiểm Soát phải có thêm tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty[87];

   b. Không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác[88].

Điều 58. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát[89]

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44 của Điều Lệ.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần phải biểu quyết bầu, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Điều Lệ[90].

---

[85] Điều 169 LDN 2020
[86] Khoản 2 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[87] Khoản 3 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[88] Điểm a Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC
[89] Điều 285 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[90] Khoản 3 Điều 148 LDN 2020

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát[91]

1. Thành viên Ban Kiểm Soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát được thực hiện như sau[92]:

   a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm: (i) thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo; (ii) nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; (iii) báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành;

   b. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;

   c. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

2. Kiểm Soát Viên có trách nhiệm sau đây:

   a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

   b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;

   c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

3. Trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 60. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát[93]

1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.

2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát[94]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:

   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 57 của Điều Lệ;

   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

---

[91] Điều 173 LDN 2020 và Điều 287 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[92] Điều 171 LDN 2020
[93] Điều 289 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[94] Điều 174 LDN 2020

c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 62. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát[95]

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát.

2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.

MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 63. Tổ chức bộ máy điều hành

1. Công Ty phải bảo đảm bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty.

2. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty bao gồm có 01 (một) Tổng Giám Đốc và (các) Phó Tổng Giám Đốc (nếu có).

3. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám Đốc và phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây[96]:

a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám Đốc;

b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp Ban Tổng Giám Đốc;

c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

Điều 64. Người điều hành khác[97]

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm, tuyển dụng Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị của Công Ty, phù hợp với cơ cấu tổ chức Công Ty được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Những người điều hành Công Ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công Ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Công Ty trả lương cho những người điều hành Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công Ty. Tiền lương của những người điều hành Công Ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập

---

[95] Điều 172 LDN 2020

[96] Khoản 4 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

[97] Điều 34 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc[98]

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng Giám Đốc là người điều hành cao nhất của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc[99]:
   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
   b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
   c. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
   d. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
   e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật;
   f. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
   g. Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
   h. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý của Công Ty, Kiểm Soát Viên của Công Ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty và công ty mẹ;
   i. Không được là người có liên quan của Người quản lý của Công Ty, Kiểm Soát Viên của Công Ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty và công ty mẹ theo quy định tại Điểm d Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán;
   j. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty;
   k. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc[100]

1. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ. Để làm rõ, trong phạm vi thẩm quyền này, Tổng Giám Đốc được:
      (i) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty, bao gồm các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, hoạt động tài chính và các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác phù hợp với kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư, hạn mức và các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản

---

[98] Khoản 1 và Khoản 2 Điều 162 LDN 2020

[99] Khoản 5 Điều 74 LCK 2019, Khoản 5 Điều 162 LDN 2020, Khoản 6 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

[100] Khoản 3, Khoản 4 Điều 162 LDN 2020 và Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Trị hoặc cơ quan, cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty;

(ii) Quyết định các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong hoạt động kinh doanh thông thường của Công Ty, bao gồm giao dịch tự doanh, đầu tư chứng khoán và tài sản tài chính; giao dịch vay, cho vay, huy động và sử dụng vốn; mua, bán tài sản và các giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty phù hợp với kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư, hạn mức và các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), trừ các dự án đầu tư, phương án thực hiện dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc cơ quan, cấp có thẩm quyền khác của Công Ty. Việc quyết định và thực hiện các giao dịch phải tuân thủ quy định của pháp luật, bao gồm các quy định về giao dịch với người có liên quan, các giới hạn, hạn chế hoạt động, đầu tư, tuân thủ Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

e. Tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả Người quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

2. Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

Điều 67. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc[101]

1. Công Ty phải thiết lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công Ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

   a. Hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;

   b. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;

   c. Hoạt động của Công Ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

   d. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công Ty.

2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:

   a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;

   b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch

[101] Điều 12 TT 121/2020/TT-BTC

cá nhân của nhân viên Công Ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn tài chính;

e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h. Nội dung khác theo nhiệm vụ được Tổng Giám Đốc giao.

3. Yêu cầu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a. Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

b. Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;

d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 68. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Công Ty[102]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người quản lý khác và những người liên quan của các đối tượng này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Ngoài các trách nhiệm nêu trên, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau đây[103]:

---

[102] Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[103] Điều 299 NĐ 155/2020/NĐ-CP

a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 69. Công khai các lợi ích liên quan[104]

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau đây:

   a. Công Ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

   b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nêu trên tại (các) chi nhánh của Công Ty;

   c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai tại trụ sở chính của Công Ty trong giờ làm việc;

   d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công Ty và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong việc thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau đây:

      (i) Người có yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan gửi văn bản đề nghị đến Công Ty tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện việc xem xét, trích lục, sao chép;

      (ii) Công Ty chỉ cung cấp bản gốc hoặc tập dữ liệu điện tử các nội dung được yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép tại trụ sở chính của Công Ty. Việc xem xét, trích lục và sao chép các nội dung này phải được thực hiện dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 (một) nhân viên của Công Ty được Người quản lý phân công;

      (iii) Công Ty không gửi bản chính, bản sao, tập dữ liệu điện tử hoặc dưới bất kỳ hình thức nào của các thông tin, dữ liệu cho người yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép dưới bất kỳ phương thức nào, dù là chuyển phát nhanh, fax hoặc email;

      (iv) Trường hợp người có quyền yêu cầu nêu trên ủy quyền cho người khác thực hiện xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan thì việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu

---

[104] Điều 164 LDN 2020

thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 70. Giao dịch với người có liên quan[105]

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty.

Điều 71. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này[106]

1. Trừ trường hợp được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức và không được dùng tiền, tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
2. Công Ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, các chức danh quản lý, điều hành khác do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

Điều 72. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan[107]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:
   a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;
   b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người quản lý khác và người có liên quan của họ;
   c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
   a. Hợp đồng, giao dịch theo quy đinh tại Khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;
   b. Giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;
   c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông

---

[105] Điều 292 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[106] Điều 27 TT 121/2020/TT-BTC
[107] Điều 167 LDN 2020 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 293 NĐ 155/2020/NĐ-CP

báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 36 của Điều Lệ.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định này Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai/công bố thông tin hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 73. Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty[108]

1. Công Ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ.

2. Công Ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Điều 74. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường[109]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để hạn chế những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 75. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc[110]

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

   a. Vi phạm trách nhiệm của Người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

   c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công Ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

---

[108] Điều 294 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[109] Điều 48 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[110] Điều 166 LDN 2020

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 76. Công khai thông tin[111]

1. Công Ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.
2. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
   a. Điều Lệ của Công Ty;
   b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc;
   c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
   d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.
3. Công Ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG VII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 77. Công nhân viên và công đoàn[112]

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công Ty.
2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định của Điều Lệ, các quy chế của Công Ty và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ

Điều 78. Trả cổ tức[113]

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
   a. Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
   b. Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
   c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc trả cổ tức, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Trình tự, thủ tục trả cổ tức được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

---

[111] Điều 176 LDN 2020
[112] Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[113] Điều 135 LDN 2020

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký tăng Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 79. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Trích lập các quỹ[114]

1. Công Ty phải trích lập các quỹ, dự phòng bắt buộc theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm (nếu có).

2. Ngoài các quỹ, dự phòng bắt buộc, Công Ty có thể trích lập các quỹ, dự phòng theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

CHƯƠNG IX. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 81. Tài khoản ngân hàng[115]

1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 82. Năm tài chính[116]

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 83. Chế độ kế toán[117]

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 84. Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị[118]

Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 139 của Luật Doanh Nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

---

[114] Điều 3, Điều 5, Điều 6 TT 48/2019/TT-BTC
[115] Điều 52 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[116] Điều 53 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[117] Điều 54 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
[118] Điều 175 LDN 2020

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
5. Hoạt động của các tiểu ban khác trực thuộc Hội Đồng Quản Trị (nếu có);
6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 85. Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát[119]

1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.
2. Bên cạnh trách nhiệm báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:
   a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát;
   b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát;
   c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
   d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
   e. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
   f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các cổ đông.

Điều 86. Chế độ báo cáo[120]

1. Việc báo cáo của Công Ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công Ty.
2. Công Ty phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho và/hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời hạn, nội dung báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 89 của Điều Lệ này. Trước ngày 31 tháng 03 của năm tiếp theo, Công Ty phải gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước báo cáo tài chính năm và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.

---

[119] Điều 290 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[120] Điều 29 TT 121/2020/TT-BTC và Điều 55 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

5. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 87. Công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin[121]:

   a. Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công Ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

   b. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

2. Công Ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

   a. Báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động quy định tại Điều 25 của Điều Lệ trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định thay đổi[122];

   b. Báo cáo về tình hình quản trị Công Ty tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và công bố thông tin trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin[123];

   c. Báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty định kỳ 06 (sáu) tháng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán[124].

Điều 88. Tổ chức công bố thông tin[125]

1. Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công Ty theo Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện theo pháp luật và/hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau đây:

   a. Công bố các thông tin của Công Ty đến công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

   b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 89. Kiểm toán[126]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông (i) quyết định (các) công ty kiểm toán độc lập trong số các công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn (các) trong số các công ty kiểm toán độc lập được phê duyệt đó để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo tình hình sử dụng vốn (nếu có) và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên các điều khoản và điều kiện thỏa thuận dịch vụ với Hội Đồng Quản Trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.

---

[121] Điều 295 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[122] Điều 296 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[123] Khoản 1 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[124] Khoản 2 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[125] Điều 300 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[126] Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, được quyền nhận các thông báo, thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông, được phát biểu ý kiến tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 90. Tổ chức lại Công Ty[127]

1. Công Ty thực hiện tổ chức lại, phương án tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 91. Tạm ngừng hoạt động[128]

1. Công Ty tạm ngừng hoạt động theo sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
2. Điều kiện tạm ngừng hoạt động Công Ty:
   a. Việc tạm ngừng hoạt động không được ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng của Công Ty;
   b. Thời gian tạm ngừng hoạt động tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Công Ty không quá 90 (chín mươi) ngày;
   c. Có phương án tạm ngừng hoạt động, phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
3. Trình tự, thủ tục tạm ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 92. Giải thể Công Ty[129]

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
   a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
   b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Công Ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục giải thể Công Ty được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 93. Thanh lý tài sản[130]

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý tài sản Công Ty gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định bất kỳ và 01 (một) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

---

[127] Điều 206 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[128] Điều 208 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[129] Điều 207 LDN 2020
[130] Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản Công Ty trước Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Công Ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

   a. Các chi phí thanh lý;

   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

   c. Nợ thuế;

   d. Các khoản nợ khác của Công Ty;

   e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d nêu trên được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 94. Phá sản Công Ty

Trình tự, thủ tục phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ[131]

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

   a. Cổ đông với Công Ty;

   b. Cổ đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc người điều hành khác.

   Các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được thương lượng hoặc quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan đến thủ tục thương lượng, hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

2. Trong trường hợp có các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Điều Lệ này dẫn đến việc vi phạm quy định mới của pháp luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 97. Ngày hiệu lực

1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ Ngày 04 tháng 11 năm 2026 khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua, thay thế bản Điều Lệ đã được thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026.

---

[131] Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

2. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty.

Ngày 04 tháng 11 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỒNG QUÂN

PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong

được thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2026)

STT	Vốn Điều Lệ (đồng)		Ghi chú
1	Thành lập ban đầu	**60.000.000.000**	Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/12/2006
2	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**120.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/09/2007
3	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**240.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2007
4	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**400.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 18/04/2019
5	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**439.600.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30/03/2020
6	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**1.000.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/10/2020
7	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**2.000.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/08/2021
8	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**3.000.000.000.000**	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 19/04/2024
9	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**3.359.997.430.000**	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 26/08/2024
10	Thực hiện tăng Vốn Điều Lệ	**6.239.309.040.000**	Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/01/2026

Để làm rõ, thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ và mức Vốn Điều Lệ của Công Ty theo Phụ Lục 01 này là được cập nhật đến ngày 04 tháng 11 năm 2026.